

## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm, may trang phục y tế, đồ vải năm 2025 tại Bệnh viện đa khoa Định Hóa
- Dự toán mua sắm/kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm, may trang phục y tế, đồ vải năm 2025 tại Bệnh viện đa khoa Định Hóa
- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
- Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa Định Hóa
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước; Qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày

#### 1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Áo Blouse Bác sĩ dài tay	- Chất liệu: vải Oxford	Cái	
2	Áo Blouse bác sỹ cộc tay	- Thành phần vải: polyeste:	Cái	
3	Áo Blouse dài tay (điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên)	(65±1,0)%, cotton: (35±1,0)%; Hoặc tương đương - Khối lượng thực tế: 151 ± 2	Cái	
4	Áo Blouse cộc tay (điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên)	(g/m2 - Màu sắc: Trắng	Cái	
5	Áo Blouse Dược sĩ dài tay	- Kiểu dáng may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015;	Cái	
6	Áo Blouse Dược sĩ cộc tay	- In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo. - May theo số đo từng người - Mũ theo áo	Cái	
7	Quần Blouse	- Chất liệu vải: Kaki - Thành phần vải: Spandex: (2.0 ± 1)%, Bông: (23.3 ± 1)%, polyeste: (74.7 ± 1)%; Hoặc tương đương - Khối lượng thực tế: 258 ± 2 (g/m2). - Màu sắc: Trắng - Kiểu dáng may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
		- May theo số đo từng người		
8	Trang phục của Hộ lý, Y công, nhân viên giặt là	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Lon</li> <li>- Thành phần vải: 55% cotton, 45% nilon (hoặc tương đương)</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>258 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Màu sắc: Màu xanh hòa bình</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người, áo dài tay = 9; áo cộc tay = 13.</li> </ul>	Bộ	
9	Trang phục của nhân viên bảo vệ (gồm áo, quần)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki</li> <li>- Thành phần vải: Spandex: (<math>2.0 \pm 1</math>)%, Bông: (<math>23.3 \pm 1</math>)%, polyeste: (<math>74.7 \pm 1</math>)%. Hoặc tương đương</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>258 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>)</li> <li>- Màu sắc: màu xanh cô ban sẫm</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người, áo cộc tay = 4, áo dài tay = 2.</li> </ul>	Bộ	
10	Trang phục kỹ sư thiết bị, nhân viên bảo trì. (gồm áo, quần)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kate</li> <li>- Thành phần vải: (<math>48 \pm 1</math>)% Polyeste, (<math>49 \pm 1</math>)% Visco, (<math>3 \pm 1</math>)% Spandex; Hoặc tương đương</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>165 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Màu sắc: màu xanh đen</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người, áo dài tay = 2, áo cộc = 1</li> </ul>	Bộ	
11	Áo nhân viên hành chính, lái xe, nhân viên kỹ thuật khối phòng chức năng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kate</li> <li>- Thành phần vải: (<math>48 \pm 1</math>)% Polyeste, (<math>49 \pm 1</math>)% Visco, (<math>3 \pm</math></li> </ul>	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
		<p>1)% Spandex; Hoặc tương đương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng thực tế: <math>165 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Màu sắc: màu trắng</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người (Áo cộc tay= 39 cái; Áo dài tay = 23 cái)</li> </ul>		
12	Quần nhân viên hành chính, lái xe, nhân viên kỹ thuật khối phòng chức năng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải Tuytsi hoặc tương đương</li> <li>- Thành phần vải: Polyeste, Visco, Spandex; Hoặc tương đương)</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>304 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Màu sắc: màu xanh tím than</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người</li> </ul>	Cái	
13	Zuýp nữ nhân viên hành chính (váy)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Vải Tuytsi hoặc tương đương</li> <li>- Thành phần vải: Polyeste, Visco; Hoặc tương đương.</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>238 \pm 2</math> (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Màu sắc: màu xanh tím than</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- May theo số đo từng người</li> </ul>	Cái	
14	Gối bệnh nhân	<p>1. Vỏ gối</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Thô.</li> <li>- Thành phần vải: <math>(51,0 \pm 1)\%</math> Polyeste, <math>(49,0 \pm 1)\%</math> Cotton (bông).</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>138 \pm 2</math>g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> </ul>	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: Dài 60 cm x Rộng 40cm</li> <li>+ Màu xanh hòa bình</li> <li>2. Lõi gối: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn vải: Vải kate trần bông (hoặc tương đương)</li> <li>- Kiểu dáng may: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: Dài 60 cm x Rộng 40 cm</li> <li>+ Màu trắng (hoặc có hoa văn)</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>		
15	Vỏ chăn bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Thô.</li> <li>- Thành phần vải: (51,0 ± 1)% Polyeste, (49,0 ± 1)% Cotton (bông).</li> <li>- Khối lượng thực tế :138 ± 2g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Kiểu dáng may: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kích thước: Dài 2.0m x Rộng 1.5m</li> <li>+ Màu xanh hòa bình</li> </ul> </li> </ul>	Cái	
16	Áo bệnh nhân nữ >18 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải Lon.</li> <li>- Thành phần vải: 53,6 ± 1)% Polyeste , (34,1 ± 1)% Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: 122 ± 2 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- Màu xanh hòa bình</li> <li>- May theo cỡ: 1(&lt;50kg) =30 cái ; 2(50-70kg)= 30 cái; 3(&gt;70kg)=20 cái</li> </ul>	Cái	
17	Áo bệnh nhân nam >18 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải Lon.</li> <li>- Thành phần vải: 53,6 ± 1)% Polyeste , (34,1 ± 1)% Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: 122 ± 2 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- Màu xanh hòa bình</li> <li>- May theo cỡ: 1(&lt;50kg)=10 cái;</li> </ul>	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
		2(50-70kg)=30 cái; 3(>70kg)=30 cái		
18	Quần áo bệnh nhân nhi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: vải Lon.</li> <li>- Thành phần vải: 53,6 ± 1)% Polyeste , (34,1 ± 1)% Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: 122 ± 2 (g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015; In logo Bệnh viện trên ngực trái, giặt không phai logo.</li> <li>- Màu xanh hòa bình</li> <li>- May theo cỡ: 1(3-10kg)=20 bộ; 2(10-15kg)=50 bộ; 3(15-25kg)=50 bộ; 4(25-40kg)= 30 bộ</li> </ul>	Bộ	
19	Đệm bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiêu chuẩn đệm:</li> <li>+ Chất liệu: lõi mút xốp, vỏ lót da màu ghi sẫm (Hoặc tương đương)</li> <li>+ Kích thước: Dài 200 cm x Rộng 85 cm x Dày 10cm</li> </ul>	Cái	
20	Màn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Tuyn</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> <li>+ Kích thước: Dài 200cm x Rộng 100cm x cao 120cm</li> <li>+ Màu xanh hòa bình</li> </ul>	Cái	
21	Ga trải giường siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: cotton</li> <li>+ Kích thước: Dài 250cm x Rộng 150cm</li> <li>+ Màu trắng, chống thấm</li> </ul>	Cái	
22	Áo choàng phẫu thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : Vải kaki.</li> <li>- Thành phần: Polyeste, Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: 165 ± 2(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015;</li> <li>- Màu xanh</li> <li>- Mũ theo áo</li> </ul>	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
23	Trang phục nhân viên nhà mổ ( gồm áo, quần)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu : Vải kaki.</li> <li>- Thành phần: Polyeste, Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>165 \pm 2</math>(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may: Theo thông tư 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015;</li> <li>+ áo cổ tim, cộc tay</li> <li>- in chữ phòng mổ sau lưng</li> <li>- Màu xanh</li> <li>- Mũ theo áo</li> </ul>	Bộ	
24	Săng mổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki.</li> <li>- Thành phần: Polyeste, Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>307 \pm 2</math>(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> <li>+ Kích thước: Dài 200cm x Rộng 120cm;</li> <li>+ Màu xanh cổ vịt</li> <li>+ Đường may viền 1cm</li> </ul>	Cái	
25	Săng mổ ( có lỗ )	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki</li> <li>- Thành phần: Polyeste, Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>307 \pm 2</math>(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> <li>+ Kích thước: Dài 160cm x Rộng 120cm; đường kính lỗ 12cm</li> <li>+ Màu xanh cổ vịt</li> <li>+ Đường may viền 1cm</li> </ul>	Cái	
26	Săng thủ thuật (có lỗ)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki.</li> <li>- Thành phần vải: Polyeste , Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>307 \pm 2</math>(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> <li>+ Kích thước: Dài 110cm x Rộng 90cm; đường kính lỗ 12cm</li> <li>+ Màu xanh cổ vịt</li> <li>+ Đường may viền 1cm</li> </ul>	Cái	
27	Săng trải bàn thủ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu vải: Kaki.</li> <li>- Thành phần: Polyeste, Visco</li> <li>- Khối lượng thực tế: <math>307 \pm 2</math>(g/m<sup>2</sup>).</li> <li>- Kiểu dáng may:</li> <li>+ Kích thước: Dài 180cm x Rộng 90cm;</li> </ul>	Cái	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Ghi chú
		+ Màu xanh cổ vịt + Đường may viền 1cm		
28	Săng gói dụng cụ	- Chất liệu vải: Kaki. - Thành phần: Polyeste, Visco - Khối lượng thực tế: 220± 2 (g/m <sup>2</sup> ) - Kiểu dáng may: + Kích thước: Dài 120cm x Rộng 90cm; + Màu xanh cổ vịt + Đường may viền 1cm	Cái	
29	Săng mở mắt(có lỗ)	- Chất liệu vải: Kaki. - Thành phần vải: Polyeste, Visco - Khối lượng thực tế: 307± 2 (g/m <sup>2</sup> ). - Kiểu dáng may: + Kích thước: Dài 80cm x Rộng 60cm; đường kính lỗ 12cm + Màu xanh cổ vịt + Đường may viền 1cm	Cái	
<b>Tổng cộng: 29 khoản</b>				

Yêu cầu về kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật cao hơn. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “cao hơn” so với yêu cầu của E-HSMT.

### 1.3. Các yêu cầu khác

*Không có*

### Mục 2. Bản vẽ

*Không có*

### Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

*Không có*